

## BẢNG ĐIỂM MÔN TOÁN A2 (Lớp Chiêu T2)

**Hết môn=(3\*Giữraki+7\*Thicuốikì)/10**

| STT | Họ Và tên            |        | Ktra | Thi | Hết môn | Điểm cộng lên bảng       |
|-----|----------------------|--------|------|-----|---------|--------------------------|
| 1   | VŨ KIM ANH           | DH09NL | V    |     | #####   |                          |
| 2   | LÂM VĂN CÔNG         | DH08OT | 0    | 1.2 | 0.8     |                          |
| 3   | TRẦN NGỌC CHÁNH      | DH09OT | 6    | 3.2 | 4.0     |                          |
| 4   | NGÔ ĐÌNH DANH        | DH10NL | V    | V   | #####   |                          |
| 5   | TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG | DH09GI | 7    | 5.2 | 5.7     |                          |
| 6   | HỒ THANH DUY         | DH10HH | 8    | 8.2 | 8.1     |                          |
| 7   | NGUYỄN TRỌNG DUY     | DH09OT | 8    | 8.7 | 8.5     |                          |
| 8   | ĐỖ ĐẶNG TRƯỜNG GIANG | DH09GI | 3    | 4.4 | 4.0     |                          |
| 9   | NGUYỄN MINH HẢI      | DH10CK | 9    | 7.4 | 7.9     |                          |
| 10  | LÝ VĂN HIẾU          | DH09NL | 6    | 6   | 6.0     |                          |
| 11  | BÙI VĂN PHÚC HIỂN    | DH10TD | 4    | 1.6 | 2.3     |                          |
| 12  | PHẠM BỬU HIỆU        | DH09OT | 7    | 7.1 | 7.1     |                          |
| 13  | THÁI THỊ HOÀI        | DH10GB | 3    | 4.4 | 4.0     |                          |
| 14  | NGUYỄN HỮU HUÂN      | DH09CC | 6    | 7.9 | 7.3     |                          |
| 15  | NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ  | DH10GB | 6    | 8.8 | 8.0     |                          |
| 16  | NGUYỄN THỊ HƯỜNG     | DH09CC | 8    | 8.8 | 8.6     |                          |
| 17  | NGUYỄN THỊ HƯƠNG     | DH10HH | 6    | 8.3 | 7.6     |                          |
| 18  | LƯƠNG NGUYỄN KHANH   | CD09TH | 6    | 5.7 | 5.8     |                          |
| 19  | NGÔ VĂN KHÁNH        | DH09CD | 6    | 5.3 | 5.5     |                          |
| 20  | TRẦN DUY KHƯƠNG      | DH09CK | 5    | 4.8 | 4.9     |                          |
| 21  | NGUYỄN KỶ LÂN        | DH10OT | 7    | 4.9 | 5.5     |                          |
| 22  | PHAN VĂN LĂNG        | DH10DC | 10   | 7.9 | 8.5     |                          |
| 23  | NGUYỄN VĂN LẬP       | DH09OT | 10   | 7.2 | 8.0     |                          |
| 24  | VÕ VĂN LỢI           | DH10NL | 10   | 7.8 | 8.5     |                          |
| 25  | CAO VĂN LONG         | CD09TH | 5    | 4.4 | 4.6     |                          |
| 26  | HỒ KHÁNH LUÂN        | DH10TD | V    | V   | #####   |                          |
| 27  | NGUYỄN THÀNH LUÂN    | DH10OT | 5    | 5.2 | 5.1     |                          |
| 28  | ĐÌNH NGỌC LĨNH       | DH10TD | 5    | 6.8 | 6.3     |                          |
| 29  | LÊ THỊ THANH MAI     | DH10HH | 7    | 8.4 | 8.0     |                          |
| 30  | NGUYỄN HOÀNG MINH    | DH10TD | 10   | 8.4 | 8.9     | Đã cộng 0.5đ vào bài thi |

|    |                       |        |    |     |       |  |
|----|-----------------------|--------|----|-----|-------|--|
| 31 | TRẦN HOÀNG MINH       | DH09CB | 8  | 8.8 | 8.6   |  |
| 32 | HOÀNG ĐĂNG NAM        | DH10NL | 5  | 7   | 6.4   |  |
| 33 | NGUYỄN VĂN NGỌ        | DH09DT | 5  | 4.8 | 4.9   |  |
| 34 | PHAN VÕ TRUNG NGHĨA   | DH10NL | 9  | 10  | 9.7   |  |
| 35 | ĐỖ TRỌNG NGHĨA        | DH10NL | 1  | V   | ##### |  |
| 36 | NGUYỄN ANH NGUYÊN     | DH10GB | 4  | 7.6 | 6.5   |  |
| 37 | LÊ QUANG NHỰT         | DH10DC | 7  | 5.7 | 6.1   |  |
| 38 | NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI  | DH09CB | 3  | 4.5 | 4.1   |  |
| 39 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG | DH10GN | 5  | 5.9 | 5.6   |  |
| 40 | TRẦN VĂN NIỆM         | DH10HH | 10 | 8.8 | 9.2   |  |
| 41 | NGUYỄN THẾ PHONG      | DH09DT | 9  | 4   | 5.5   |  |
| 42 | ĐẶNG THANH PHƯƠNG     | DH10TD | 6  | 5.4 | 5.6   |  |
| 43 | TRẦN QUANG            | DH09CD | V  | V   | ##### |  |
| 44 | LÊ ANH SƠN            | DH10NL | 6  | 5.4 | 5.6   |  |
| 45 | NGUYỄN VĂN SƠN        | DH09OT | 7  | 7.4 | 7.3   |  |
| 46 | LÊ TÂN SĨ             | DH10NL | V  | V   | ##### |  |
| 47 | BÙI VĂN TÌNH          | DH10NL | 6  | 6.5 | 6.4   |  |
| 48 | PHẠM THÀNH TÍN        | DH10HH | 10 | 6.4 | 7.5   |  |
| 49 | HUỲNH CÔNG THÀNH      | DH10GB | 7  | 6.4 | 6.6   |  |
| 50 | TRẦN QUANG THẠCH      | DH09CB | 6  | 5.7 | 5.8   |  |
| 51 | NGUYỄN THỊ THU THẢO   | DH10HH | 10 | 10  | 10.0  |  |
| 52 | NGUYỄN XUÂN THƯỜNG    | DH09CB | 7  | 6.2 | 6.4   |  |
| 53 | CAO THỊ MỸ TIỀN       | DH10HH | 7  | 7.5 | 7.4   |  |
| 54 | NGUYỄN THANH TRIÊN    | DH09OT | 8  | 8.7 | 8.5   |  |
| 55 | NGUYỄN NHẬT TRIỀU     | DH10NL | 8  | 7.5 | 7.7   |  |
| 56 | NGUYỄN THÀNH TRUNG    | DH10NL | 7  | 5.2 | 5.7   |  |
| 57 | NGUYỄN MINH TUẤN      | DH10NL | V  | V   | ##### |  |
| 58 | TRẦN QUỐC TUẤN        | DH09DT | 7  | 4.8 | 5.5   |  |
| 59 | LƯƠNG TRỌNG TƯỚNG     | DH09OT | 7  | 6.5 | 6.7   |  |
| 60 | VÕ QUỐC VIỆT          | DH09OT | 10 | 8.7 | 9.1   |  |
| 61 | LÊ VŨ VŨ              | DH09CD | 9  | 6.3 | 7.1   |  |
| 62 | VƯƠNG TẤN ĐẠT         | DH10OT | 10 | 9.1 | 9.4   |  |
| 63 | HÀ XUÂN ĐƯƠNG         | DH10OT | 10 | 5.7 | 7.0   |  |